

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2024/DS-ST

Ngày: 22 - 01 - 2024

Về việc: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH AN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Xuân Bích

- *Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Hoàng Tiến

Bà Phạm Thị Kim Thảo

Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Hồng Cẩm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Bà Cao Thị Thu Hồng Em - Kiểm sát viên

Ngày 22 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 148/2023/TLST-DS ngày 24/10/2023 về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 288/2023/QĐXXST- DS ngày 11/12/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2024/QĐST - DS ngày 03/01/2024, giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Công ty T3 (JIVF)

Địa chỉ: Lầu A Tòa nhà C, G - G N, phường V, Quận C, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông TANIGUCHI NOBORU - Tổng Giám đốc của JIVF (theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T3, mã số doanh nghiệp: 0309985680, đăng ký lần đầu ngày 02/6/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 9, ngày 12/10/2022 do Sở Kế Hoạch và Đầu tư thành phố H cấp).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Việt T, sinh năm 1987 – Nhân viên Công ty T3 (Theo Giấy uỷ quyền số 495/2023/UQLM-JIVF, ngày 16/10/2023).

Địa chỉ liên lạc: **Lầu A Tòa nhà C, G - G N, phường V, Quận C, thành phố Hồ Chí Minh**. Có mặt

- Bị đơn: Bà **Lê Thị Bích T1**, sinh năm 1987. Vắng mặt

Địa chỉ cư trú : **ấp V, xã V, huyện C, tỉnh An Giang**.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Công ty T3 (JIVF) do ông Đỗ Việt T đại diện theo uỷ quyền trình bày:

Bà **Lê Thị Bích T1** có ký hợp đồng tín dụng số 930270002662298000 ngày 28/3/2022 để vay số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng); phương thức cho vay: Vay từng lần; hình thức trả góp hàng tháng trong vòng 36 tháng, vào ngày 05 hàng tháng; ngày đến hạn trả nợ kỳ đầu tiên: ngày 04/5/2022; ngày đến hạn trả nợ kỳ cuối: ngày 31/3/2025; lãi suất 30,8400%/ năm. Mục đích vay: vay tiêu dùng.

Từ ngày 04/5/2022 đến ngày 31/5/2023, bà **T1** đã thanh toán được số tiền 60.242.365đ (Sáu mươi triệu, hai trăm bốn mươi hai nghìn, ba trăm sáu mươi lăm đồng) thì ngưng cho đến nay, dù Công ty đã nhiều lần thông báo, yêu cầu thanh toán nhưng bà **T1** không thực hiện.

Công ty T3 (JIVF) yêu cầu bà **T1** có nghĩa vụ trả cho **Công ty T3** (JIVF) tổng số tiền tạm tính đến hết ngày 22/01/2024 là 86.825.034đ (**T2** mươi sáu triệu, tám trăm hai mươi lăm nghìn, không trăm ba mươi bốn đồng), gồm dư nợ vốn: 71.629.729đ (Bảy mươi một triệu, sáu trăm hai mươi chín nghìn, bảy trăm hai mươi chín đồng), lãi trong hạn 14.283.248đ (Mười bốn triệu, hai trăm tám mươi ba nghìn, hai trăm bốn mươi tám đồng), lãi quá hạn 816.057đ (Tám trăm mười sáu triệu, không trăm năm mươi bảy đồng) và phí 96.000đ (Chín mươi sáu nghìn đồng). Yêu cầu tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh từ ngày 23/01/2024 cho đến khi hết nợ theo hợp đồng tín dụng.

Về án phí dân sự: giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa:

-Nguyên đơn **Công ty T3** (JIVF) do ông **Đỗ Việt T** đại diện theo uỷ quyền trình bày: yêu cầu bà **T1** có nghĩa vụ trả cho **Công ty T3** (JIVF) tổng số tiền tạm tính đến hết ngày 22/01/2024 là 86.825.034đ (**T2** mươi sáu triệu, tám trăm hai mươi lăm nghìn, không trăm ba mươi bốn đồng), gồm dư nợ vốn: 71.629.729đ (Bảy mươi một triệu, sáu trăm hai mươi chín nghìn, bảy trăm hai mươi chín đồng), lãi trong hạn 14.283.248đ (Mười bốn triệu, hai trăm tám mươi ba nghìn, hai trăm bốn mươi tám đồng), lãi quá hạn 816.057đ (Tám trăm mười sáu triệu, không trăm năm mươi bảy đồng) và phí 96.000đ (Chín mươi sáu nghìn đồng). Yêu cầu tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh từ ngày 23/01/2024 cho đến khi hết nợ theo hợp đồng tín dụng.

- Bị đơn bà **Lê Thị Bích T1** vắng mặt và không cung cấp ý kiến, tài liệu, chứng cứ.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn vắng mặt suốt quá trình giải quyết vụ án, chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung vụ án: Theo Hợp đồng tín dụng số 930270002662298000 ngày 28/3/2022 thể hiện các bên có giao kết hợp đồng trên cơ sở tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, không vi phạm pháp luật, nội dung các bên đã thỏa thuận quyền và nghĩa vụ các bên, số tiền, mục đích vay và thời hạn vay, phương thức trả nợ, cam kết trả nợ,... do đó giao kết hợp đồng các bên có giá trị pháp lý. Vì bà **T1** vi phạm nghĩa vụ thanh toán, không thực hiện đúng như nội dung thỏa thuận nên việc Công ty yêu cầu bà **T1** thực hiện nghĩa vụ trả vốn gốc, lãi, phí theo hợp đồng đã ký là có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà **Lê Thị Bích T1** có nghĩa vụ trả cho **Công ty T3** (JIVF) tổng số tiền tạm tính đến hết ngày 22/01/2024 là 86.825.034đ (**T2** mươi sáu triệu, tám trăm hai mươi lăm nghìn, không trăm ba mươi bốn đồng), gồm dư nợ vốn: 71.629.729đ (Bảy mươi một triệu, sáu trăm hai mươi chín nghìn, bảy trăm hai mươi chín đồng), lãi trong hạn 14.283.248đ (Mười bốn triệu, hai trăm tám mươi ba nghìn, hai trăm bốn mươi tám đồng), lãi quá hạn 816.057đ (Tám trăm mười sáu triệu, không trăm năm mươi bảy đồng) và phí 96.000đ (Chín mươi sáu nghìn đồng). Yêu cầu tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh từ ngày 23/01/2024 cho đến khi hết nợ theo hợp đồng tín dụng.

Về án phí dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: **Công ty T3** (JIVF) khởi kiện bà **Lê Thị Bích T1** trả số tiền còn nợ theo hợp đồng cho vay tiêu dùng đã ký. **Công ty T3** (JIVF) là một tổ chức tín dụng và hợp đồng cho vay tiêu dùng là một dạng hợp đồng tín dụng. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là hợp đồng tín dụng. Bà **T1** cư trú trên địa bàn **huyện C, tỉnh An Giang** nên Tòa án nhân dân huyện Châu Thành thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn bà **Lê Thị Bích T1** đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do tại phiên tòa lần thứ hai nên Hội

đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà **T1** theo quy định pháp luật tại điểm b khoản 2 **Điều 227, khoản 3 Điều 228** của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung giải quyết vụ án:

[2.1] Về hợp đồng tín dụng: **Công ty T3** (JIVF) yêu cầu bà **Lê Thị Bích T1** có nghĩa vụ trả cho **công ty T4** tiền tạm tính đến hết ngày 22/01/2024 là 86.825.034đ (**T2** mươi sáu triệu, tám trăm hai mươi lăm nghìn, không trăm ba mươi bốn đồng), gồm dư nợ vốn: 71.629.729đ (Bảy mươi một triệu, sáu trăm hai mươi chín nghìn, bảy trăm hai mươi chín đồng), lãi trong hạn 14.283.248đ (Mười bốn triệu, hai trăm tám mươi ba nghìn, hai trăm bốn mươi tám đồng), lãi quá hạn 816.057đ (Tám trăm mười sáu triệu, không trăm năm mươi bảy đồng) và phí 96.000đ (Chín mươi sáu nghìn đồng).

[2.2] Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện do nguyên đơn: Hợp đồng tín dụng số 930270002662298000 ngày 28/3/2022; Giấy đề nghị vay kiêm phương án sử dụng vốn ngày 28/3/2022 và Giấy nhận nợ ngày 28/3/2022, thể hiện:

Bà **Lê Thị Bích T1** có ký với **Công ty T3** (JIVF) để vay số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng); phương thức cho vay: Vay từng lần; hình thức trả góp hàng tháng trong vòng 36 tháng, vào ngày 05 hàng tháng; ngày đến hạn trả nợ kỳ đầu tiên: ngày 04/5/2022; ngày đến hạn trả nợ kỳ cuối: ngày 31/3/2025; lãi suất 30,8400%/ năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; số tiền thanh toán mỗi kỳ: 4.303.296 đồng (bao gồm gốc + lãi + phí); số tiền thanh toán cuối kỳ: 4.782.404đồng. Mục đích vay: Vay tiêu dùng.

Xét thấy, bà **Lê Thị Bích T1** có ký tên vào các văn bản nêu trên với tư cách là người đề nghị, bên vay và các tài liệu chứng cứ nêu trên có nội dung phù hợp, thống nhất với trình bày của **Công ty T3** (JIVF). Do đó, Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở xác định giữa **Công ty T3** (JIVF) và bà **Lê Thị Bích T1** có xác lập hợp đồng tín dụng là thật. Việc xác lập hợp đồng này hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với qui định pháp luật do đó phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên trong hợp đồng.

[2.3] Tòa án đã thực hiện, cấp, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà **T1** để bà thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nhưng đến nay bà **T1** vẫn vắng mặt không tham gia phiên họp, hòa giải, xét xử và không gửi văn bản trình bày ý kiến, xem như bà tự từ bỏ quyền lợi của bản thân cũng như không bác bỏ yêu cầu khởi kiện và chứng cứ do nguyên đơn cung cấp.

[2.4] Về lãi suất: Theo hợp đồng tín dụng số 930270002662298000 ngày 28/3/2022, lãi suất 30,8400%/ năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; số tiền thanh toán mỗi kỳ: 4.303.296 đồng (bao gồm gốc + lãi + phí); số tiền thanh toán cuối kỳ: 4.782.404đồng, thời hạn vay 36 tháng. Theo Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng thì các bên có quyền tự thỏa thuận về mức lãi suất, trong vụ án các đương sự không yêu cầu xem xét về mức lãi suất của hợp đồng tín dụng. Do

đó Hội đồng xét xử chấp nhận mức lãi suất theo thoả thuận tại hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà **T1** bắt đầu thanh toán vốn và lãi từ ngày 04/5/2022 đến ngày 31/5/2023 với tổng số tiền 60.242.365đ (Sáu mươi triệu, hai trăm bốn mươi hai nghìn, ba trăm sáu mươi lăm đồng) thì ngưng cho đến nay, dù **Công ty T3** (JIVF) đã nhiều lần thông báo, yêu cầu thanh toán. Do đó việc **Công ty T3** (JIVF) yêu cầu tính lãi trên số tiền dư nợ vốn còn lại là phù hợp.

[2.5] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn **Công ty T3** (JIVF), buộc bà **Lê Thị Bích T1** có nghĩa vụ trả cho **Công ty T3** (JIVF) số tiền tạm tính đến hết ngày 22/01/2024 là 86.825.034đ (**T2** mươi sáu triệu, tám trăm hai mươi lăm nghìn, không trăm ba mươi bốn đồng), gồm dư nợ vốn: 71.629.729đ (Bảy mươi một triệu, sáu trăm hai mươi chín nghìn, bảy trăm hai mươi chín đồng), lãi trong hạn 14.283.248đ (Mười bốn triệu, hai trăm tám mươi ba nghìn, hai trăm bốn mươi tám đồng), lãi quá hạn 816.057đ (Tám trăm mười sáu triệu, không trăm năm mươi bảy đồng) và phí 96.000đ (Chín mươi sáu nghìn đồng).

Đồng thời, bà **T1** có nghĩa vụ trả cho **Công ty T3** (JIVF) số tiền lãi, phí phát sinh theo lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn tại hợp đồng tín dụng số 930270002662298000 ngày 28/3/2022, kể từ ngày 23/01/2024 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ của hợp đồng tín dụng đã ký.

[2.6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn **Công ty T3** (JIVF) được chấp nhận do đó nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại tạm ứng án phí đã nộp. Bà **Lê Thị Bích T1** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 273 và Điều 278 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;
- Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng;
- Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn **Công ty T3** (JIVF).

Buộc bà **Lê Thị Bích T1** có trách nhiệm trả cho **Công ty T3** (JIVF) tổng số tiền tạm tính đến hết ngày 22/01/2024 là 86.825.034đ (**T2** mười sáu triệu, tám trăm hai mươi lăm nghìn, không trăm ba mươi bốn đồng), gồm dư nợ vốn: 71.629.729đ (Bảy mươi một triệu, sáu trăm hai mươi chín nghìn, bảy trăm hai mươi chín đồng), lãi trong hạn 14.283.248đ (Mười bốn triệu, hai trăm tám mươi ba nghìn, hai trăm bốn mươi tám đồng), lãi quá hạn 816.057đ (Tám trăm mười sáu triệu, không trăm năm mươi bảy đồng) và phí 96.000đ (Chín mươi sáu nghìn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 23/01/2024) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thanh toán theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 930270002662298000 ngày 28/3/2022. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Công ty cho vay thì lãi suất mà bà **Lê Thị Bích T1** phải tiếp tục thanh toán cho Công ty cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Công ty cho vay.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn bà **Lê Thị Bích T1** phải chịu số tiền 4.341.000đ (Bốn triệu, ba trăm bốn mươi một nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn **Công ty T3** (JIVF) được nhận lại số tiền 1.964.000đ (Một triệu, chín trăm sáu mươi bốn nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án, lệ phí toà án số 0004587 ngày 19/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn **Công ty T3** (JIVF) được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn bà **Lê Thị Bích T1** được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh An Giang;
- VKS ND H. Châu Thành;
- Chi cục Thi hành án
DS H. Châu Thành;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng./.

Trần Thị Xuân Bích